

PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

Chủ giảng: Cô Lưu Tố Vân

Giảng lần thứ hai tại Lục Hòa tiểu viện ngày 30/11/2020

Tập 20

Chư vị đồng tu tôn kính, xin chào mọi người! A Di Đà Phật!

Từ hôm nay trở đi, chúng ta bắt đầu giảng kinh văn của phẩm thứ ba:

“Đại giáo duyên khởi đệ tam”

Kinh văn trong phẩm này là Thế Tôn thị hiện tướng lành hiếm có, phóng quang cảm động tôn giả A Nan. Ngài A Nan thưa hỏi, Thế Tôn trả lời, diễn thuyết biển nguyện của A Di Đà Phật, pháp bảo hiếm có khó gặp nhất, đó là Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Mời xem câu kinh tiếp theo:

“Nhĩ thời Thế Tôn. Oai quang hách dịch. Như dung kim tụ. Hựu như minh kính. Ảnh sớng biểu lý. Hiện đại quang minh. Số thiên bá biến”.

Đoạn kinh này miêu tả đức Phật phóng quang hiện tướng lành. “Oai quang hách dịch”, quang minh do Phật phóng ra dũng mãnh uy nghiêm, sáng chói rực rỡ, khiến người nhìn thấy được quang minh này sanh tâm kính sợ. “Như dung kim tụ”, lại giống như sự chói sáng rực rỡ của vàng sau khi bị nung chảy, tụ lại với nhau, đẹp không tả hết. Đây là nói hào quang, dung nhan, tinh thần của Phật không giống ngày thường, trước đây chưa từng thấy, đây là tán thán tướng hảo của Phật.

“Hựu như minh kính, ảnh sớng biểu lý”, thân tâm của Phật thanh tịnh không gì sánh bằng, không nhiễm chút bụi trần. Hào quang của Phật giống như tấm gương, trong ngoài đều trong suốt, giống như pha lê, đây là tướng lành.

“Hiện đại quang minh. Số thiên bá biến”, chữ đại này có nghĩa ánh sáng này vô cùng thù thắng, sáng ngời rộng khắp. Hình sắc của ánh sáng thiên biến vạn hóa, đẹp không tả xiết. Trong ánh sáng có màu sắc, trong màu sắc có ánh sáng, hoán đổi lẫn nhau; hình thái của ánh sáng cũng không ngừng biến đổi, càng biến càng đẹp.

Sáu câu kinh vừa rồi nói tới Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành. Đây là nhân duyên đầu tiên khởi xương bộ kinh này.

Mời xem đoạn kinh tiếp theo “Tôn giả A Nan tức tự tư duy: Kim nhật Thế Tôn, sắc thân chur căn, duyệt dự thanh tịnh, quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm, từng tích dĩ lai, sở vị tăng kiến. Hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hi hữu tâm”.

“Tôn giả A Nan tức tự tư duy”, ngài A Nan là thị giả của Phật, đã chứng được sơ quả, mỗi lần Phật giảng kinh ngài đều tham gia. Trong hội Pháp Hoa đức Phật công bố, “ta cùng bọn ông A Nan ở chỗ Không Vương Phật đồng thời phát tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, A Nan ưa thích đa văn, ta thường siêng tinh tấn, vì vậy nay ta đã đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Mà A Nan sẽ hộ trì pháp của ta, cũng hộ trì Pháp tạng của chư Phật trong tương lai, giáo hóa thành tựu chúng Bồ Tát. Ngài A Nan vẫn chưa thành Phật, có thể thấy được ngài A Nan và Thế Tôn đồng thời phát tâm ở chỗ Không Vương Phật, một trong những nhiệm vụ của ngài A Nan là giáo hóa chúng Bồ Tát, cũng tức là có thể làm thầy của Bồ Tát, đây là bản tích của ngài A Nan, chứng sơ quả chỉ là thị hiện. Trên thực tế, những gì ngài A Nan hiển hiện trong một đời, ngài là nhân vật quan trọng của đại giáo, vô cùng quan trọng. Một, ngài kết tập kinh tạng; hai, truyền tâm ấn Phật, ngài là vị tổ thứ hai của Thiên Tông; ba, trong Mật điển gọi A Nan là Tập Pháp Kim Cang, ngôi vị Kim Cang đồng với Như Lai. Sau khi sơ tổ Mật Tông đại sĩ Liên Hoa Sanh ra đời, là lãnh thọ pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật truyền trao lại từ chỗ ngài A Nan. Cho nên ngài A Nan hộ trì Phật pháp là bản nguyện của ngài. Ngài thị hiện làm thị giả của Phật, hơn nữa lại truyền thừa hai tông phái Thiên và Mật, nối dòng huệ mạng Phật, tiếp nối người trước, dẫn dắt người sau. Do vậy, ngài là người đương cơ trong kinh Vô Lượng Thọ. Một mình ngài A Nan tụ hội cả Thiên, Mật, Tịnh, Phật pháp là một không hai, pháp môn là một không hai. Nói rộng ra hơn, tôn giáo là một không hai. Vạn pháp quy nhất, khác đường cùng một đích đến, đều quy về kinh Vô Lượng Thọ, quy về A Di Đà Phật.

Công đức thính pháp của tôn giả A Nan lớn, công đức ngài kết tập kinh điển càng lớn, để mọi người hiểu rõ hơn về tôn giả A Nan, tôi sẽ kể cho mọi người nghe một câu chuyện nhỏ có liên quan đến kết tập kinh điển của ngài A Nan.

Lúc đức Phật nhập Niết Bàn giữa rừng cây Sa La Song Thọ ở thành Câu Thi Na, ngài A Nan đau buồn khóc không thành tiếng. Đức Phật dùng ánh mắt thương xót nhìn ngài A Nan rồi nói với mọi người: A Nan phụng sự ta hai mươi bảy năm vô cùng vất vả, A Nan là người ôn hòa khoan hậu, nghe pháp liền nhớ, tương lai có thể tỏa sáng trên thế gian. Ba ngày sau khi Phật nhập diệt, ngài A Nan đi tới thành Vương Xá tham gia kết tập kinh điển lần thứ nhất. Đi đường hơn hai tháng, ngày 14 tháng 4 mới tới thành Vương Xá. Ngày thứ hai bắt đầu an cư, kết tập kinh Phật. Lúc này, ngài Đại Ca Diếp được đề cử làm chủ tọa, ngài đã chọn 499 vị A La Hán. Bởi vì ngài A Nan chưa chứng quả cho nên bị loại trừ, điều này mang lại đá kích rất lớn đối với ngài A Nan. Ngay đêm đó ngài cố gắng tu hành, giữa đêm liền chứng quả A La Hán, tham gia kết tập. Trong pháp hội A Nan tụng “kinh Trường A Hàm”, “kinh Trung A Hàm”, “kinh Tạp A Hàm”, “kinh Tăng Nhất A Hàm”, “kinh Thí Dụ”, “kinh Pháp Cú”. Phật giáo có được kinh điển lưu truyền trên thế gian đều là nhờ vào công lao của A Nan. Đại Ca Diếp là người chủ trì kết tập kinh điển ở thành Vương Xá, tự nhiên được các trưởng lão thượng tọa coi là người lãnh đạo. Hai mươi năm sau, Ca Diếp đem pháp truyền cho A Nan, rồi lên núi Kê Túc nhập diệt, A Nan được đề cử làm người lãnh đạo tăng đoàn, lúc ấy ngài đã là một ông lão 66 tuổi. Sau khi Ca Diếp diệt độ, Phật giáo dưới sự lãnh đạo của A Nan vẫn luôn hòa hợp, chưa có vấn đề gì lớn. Vào năm A Nan 120 tuổi, có một hôm trên đường đi nghe thấy một vị tỳ kheo nói rằng:

“Người sống lâu trăm tuổi

Chưa thấy chim hạc nước

Không bằng sống một ngày

Mà có thể thấy được!”

A Nan thấy vậy ân cần sửa lại:

“Người sống lâu trăm tuổi

Không hiểu pháp sanh diệt

Không bằng sống một ngày

Mà có thể hiểu được!”

Tỳ kheo trở về trình với sư phụ. Sư phụ nói “con đừng nghe A Nan nói bậy, ông ta già rồi, đã mất trí nhớ và trí huệ”. Tỳ kheo lại kể cho ngài A Nan nghe lời nói của sư phụ. Sau khi A Nan nghe xong, thâm nghĩ: mình đọc tụng đại pháp của đức Phật cho chúng sanh, nhưng mà ngã kiến ngã chấp của chúng sanh sâu nặng, không vâng làm theo Phật pháp, mình sống trên đời này còn có ý nghĩa gì nữa? Lại nhớ tới lúc đức Phật còn tại thế, chư đại đệ tử đều nhập diệt rồi, chỉ còn lại một mình ngài, giống như một khu rừng bị đốn sạch, chỉ còn lại một cây đại thụ không thể ngăn gió che mưa. Thế là ngài bay lên trên sông Hằng, biên giới giữa hai nước Ma Kiệt Đà và Tỳ Xá Ly nhập Niết Bàn. Thánh thể của ngài chia làm hai phần, một phần lưu giữ ở giảng đường Trùng Các trong rừng Đại Lâm phía bắc Tỳ Xá Ly, một phần lưu giữ bên cạnh tinh xá Trúc Lâm thành Vương Xá, xây tháp cúng dường. Bởi vì A Nan nhập diệt mà hai nước Ma Kiệt Đà và Tỳ Xá Ly hòa hợp, không còn chiến tranh nữa, giúp tính mạng và tài sản của hàng triệu người dân không bị tổn thất, có thể thấy được A Nan có tinh thần cứu người giúp đời của Bồ Tát đại thừa.

Mời xem câu kinh tiếp theo: “Tức tự tư duy”, hôm nay A Nan thấy Phật hiện tướng lành, phóng ánh sáng thù thắng không tầm thường, trước giờ ngài chưa từng thấy, trong lòng ngài suy nghĩ: “kim nhật Thế Tôn, sắc thân chư căn, duyệt dự thanh tịnh”, đức Phật “như hình ảnh vi diệu trong tấm gương, như vàng trắng tròn sáng [hiện bóng] trong nước sạch”, đức Phật thị hiện vô cùng hoan hỷ, vô cùng vui vẻ. Tại sao đức Phật lại hoan hỷ như vậy? Có hai nghĩa: một là tất cả Thánh hạnh niệm A Di Đà Phật có công đức viên mãn; hai là bởi vì thời cơ hiếm có để chúng sanh đều đạt được lợi ích từ pháp đã đến. Có thể thấy được quyển kinh này biểu đạt rộng khắp bốn hoài của Như Lai, Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật đều vô cùng hoan hỷ, bởi vì thời cơ để chúng sanh đạt được lợi ích chân thật đã đến, hai vị đạo sư ở hai cõi nước đều rất hoan hỷ vui mừng.

“Quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm”. “Nguy nguy” có nghĩa là hình dáng cao lớn tôn quý; “nhan” là dung nhan. Dung nhan của Phật có ánh sáng, cho nên gọi là “quang nhan”. Trong Phật quang thị hiện cõi nước trang nghiêm của chư Phật mười phương, “bảo sát” là cõi nước thanh tịnh của chư Phật, đây chính là hiển thị cảnh giới Sự Sự Vô Ngại không thể nghĩ bàn của Hoa Nghiêm. Hào quang của một vị Phật là một, là nhỏ; [hào quang] của cõi nước chư Phật là nhiều, là lớn. Trong một có nhiều, nhỏ có thể bao hàm lớn, đều là cảnh giới vi diệu thù thắng vượt

khởi tình thức, thoát ly tri kiến, , đều là tướng công đức sẵn có trong tự tâm. Tướng lành thù thắng như vậy, A Nan “tùng tích dĩ lai, sở vị tăng kiến”, là tướng lành mà từ quá khứ cho đến hiện tại A Nan chưa từng thấy.

“Hy đặc chiêm ngưỡng, sanh hi hữu tâm”. “Hy đặc chiêm ngưỡng” có những ý nghĩa như sau: Một, A Nan lần đầu tiên thấy tướng lành phóng quang thù thắng của Thế Tôn, trong tâm không kìm nén được sự hoan hỷ; hai, ngài A Nan có duyên rất sâu với Thế Tôn, mới may mắn thấy được tướng lành hiếm có như vậy của Thế Tôn, trong lòng vô cùng hoan hỷ; ba, đại chúng trong pháp hội cũng như ngài A Nan, bởi vì có duyên rất sâu với Thế Tôn, nên cũng thấy được tướng lành hiếm gặp của Thế Tôn; bốn, ngài A Nan và đại chúng trong pháp hội “vui mừng được chiêm ngưỡng, sanh hi hữu tâm”, hôm nay thấy được Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành như vậy, A Nan sanh tâm hi hữu, đại chúng tham gia pháp hội cũng sanh tâm hi hữu. Tâm hi hữu là tâm cung kính thành khẩn trước nay chưa từng có. Tôn giả A Nan thay mặt đại chúng, “liền từ chỗ ngồi đứng lên, trích áo bày vai phải quỳ thẳng chấp tay mà bạch Phật rằng”, thỉnh giáo đức Phật, tại sao hôm nay dung mạo hào quang của Phật lại thù thắng như vậy?

Mời xem câu kinh tiếp theo: “Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định, trụ kỳ đặc pháp, trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo. Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm, vi niệm quá khứ vị lai chư Phật da? Vi niệm hiện tại tha phương chư Phật da? Hà cố oai thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ, nguyện vị tuyên thuyết”. Đoạn này là ngài A Nan thỉnh pháp với Phật, hàm ý rất sâu: một, ngài A Nan gọi thầy là “Thế Tôn”, Phật là thầy của trời người, được thế gian xuất thế gian tôn kính, trời người tôn kính, cho nên gọi là “Thế Tôn”, đây là cách gọi tôn kính nhất; hai, “kim nhật nhập đại tịch định”, Phật và Đại Bồ Tát thường ở trong định. “Thủ Lăng Nghiêm Đại Định” được nói đến trong Kinh Lăng Nghiêm, “Na Già thường ở trong định, không lúc nào chẳng định”, đại định không có xuất không có nhập, đi đứng nằm ngồi đều ở trong định. Phật và chư Đại Bồ Tát bình thường đều như vậy; ba, hôm nay đại định mà đức Phật thị hiện thù thắng hơn bình thường. Rốt cuộc đây là định gì? Đây không phải là đại định thông thường, mà là niệm Phật tam muội. “Niệm Phật tam muội, là vua trong tam muội”, Thế Tôn đang niệm A Di Đà Phật; bốn, A Nan Đại Quyền thị hiện, ngài là Phật Bồ Tát tái lai, sơ quả La Hán chỉ là thị hiện mà thôi, ngài tới giúp đỡ Thích Ca Mâu Ni Phật hoằng pháp lợi sanh; năm,

những điều A Nan hỏi, không phải ngài không biết, mà ngài thay mặt đại chúng thỉnh pháp, chúng ta phải cảm ơn sâu sắc sự từ bi của A Nan.

“Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định”. Kinh Niết Bàn nói “Ta nhập đại tịch định ở trong rừng cây Sa La này”. Lúc đức Phật nhập Niết Bàn, ngài nhập định ở Song Thọ gọi là “đại tịch định”. Kinh Niết Bàn lại nói: “Đại tịch định gọi là Đại Niết Bàn”, ba đức của Niết Bàn là đức Pháp Thân, đức Giải Thoát, đức Bát Nhã. Ba đức viên mãn là Đại Niết Bàn.

Sách Chân Giải nói: Đại tịch định là tên gọi khác của niệm Phật tam muội. Hiện tại Phật sẽ giảng cho mọi người pháp môn niệm Phật, cho nên Phật phải trụ trong niệm Phật tam muội. Theo kinh Niết Bàn, đại tịch định chính là Đại Niết Bàn, kết hợp với Tịnh Độ là niệm Phật tam muội, hai cách nói này không hề mâu thuẫn. Viên Đôn giáo chủ trương “nhân quả đồng thời”, niệm Phật tam muội là nhân, chứng Niết Bàn là quả, nhân quả đồng thời, cho nên cả hai hiển hiện cùng lúc. Tiếp theo nhân cơ hội này, giới thiệu sơ lược với mọi người một chút về bốn đức của Đại Bát Niết Bàn: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Thường: Thường là thể của Niết Bàn, hằng thường bất biến, không có sanh diệt. Lạc: Lạc là thể của Niết Bàn, vĩnh viễn tịch diệt, an nhàn, thọ dụng, không chút phiền não. Ngã: Ngã là thể của Niết Bàn, được đại tự tại, không chút trói buộc. Tịnh: Tịnh là thể của Niết Bàn, giải thoát khỏi hết thảy cấu nhiễm, vô cùng thanh tịnh.

“Trụ kỳ đặc pháp”, hôm nay Thích Ca Mâu Ni Phật trụ trong một pháp môn đặc biệt, sẽ tuyên thuyết kinh điển giúp chúng sanh bình đẳng thành Phật trong một đời, chính là kinh Vô Lượng Thọ, trên đề kinh nói “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, đây là pháp kỳ đặc. Tại sao vậy? Bởi vì hết thảy pháp mà Thế Tôn đã giảng trong 49 năm, chưa từng giảng qua pháp bình đẳng thành Phật, cho nên pháp môn này rất khó tin. Đẳng Giác Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, chúng sanh trong địa ngục, căn tánh của họ khác biệt rất lớn, làm sao có thể bình đẳng thành Phật? Nhưng mà đức Phật có một pháp môn cực kỳ vi diệu có thể giúp chúng sanh bình đẳng thành Phật. Phật chưa từng nói pháp môn này, hôm nay sẽ tuyên giảng cho đại chúng, cho nên Thế Tôn phải trụ trong pháp kỳ đặc. Kỳ đặc ở chỗ nào: một là bình đẳng thành Phật; hai là Thích Ca Mâu Ni Phật trước nay chưa từng nói; ba là đại chúng chưa từng được

nghe; bốn là kỳ đặc ở chỗ không cần đoạn trừ phiền não, chỉ cần điều phục phiền não là được, có thể đời nghiệp vãng sanh. Đây là pháp môn độc nhất vô nhị.

Tịnh Ảnh Sớ nói: “Pháp mà Phật đã chứng đắc hơn hẳn những người khác, pháp chẳng có trong thế gian nên gọi là kỳ đặc”. Câu này có nghĩa là pháp mà Phật đã chứng đắc, không phải bậc Bồ Tát có thể đạt được, thế gian này không có, cho nên gọi là kỳ đặc. Kỳ là hiếm lạ, hiếm có; đặc là đặc biệt, đặc thù. Pháp mà Phật đã chứng đắc hơn hẳn những người khác, hơn hẳn A La Hán, A La Hán chứng Bát Niết Bàn của Tiểu Thừa; Bồ Tát chứng đắc, từ sơ tín vị cho đến đẳng giác có tổng cộng 51 cấp bậc, Phật cao hơn cấp bậc này, Phật là cấp bậc thứ 52, là quả vị cao nhất, phía trên không còn nữa, cho nên hơn hẳn những người khác. 51 cấp bậc trong Đại Thừa giáo; Tiểu Thừa giáo có Thanh Văn, tám cấp bậc là tứ quả tứ hướng; còn có Bích Chi Phật cao hơn A La Hán, thấp hơn Bồ Tát. Phật đều hơn hẳn những cấp bậc này, Phật đạt được đại pháp rốt ráo viên mãn.

Pháp chẳng có trong thế gian, thế gian ở đây là chỉ lục đạo, thập pháp giới. Pháp mà Phật chứng đắc không có trong lục đạo thập pháp giới. Pháp này hiếm có, pháp này đặc biệt, cho nên gọi là kỳ đặc. Sách Chân Giải có cách giải thích tuyệt vời đối với “kỳ đặc pháp”, tôi trích dẫn một đoạn hay nhất cúng dường mọi người. Ngài nói: y chánh chủ bạn của thế giới Cực Lạc, hết thấy đều biến hiện từ tâm của A Di Đà Phật Như Lai. Dù nói là một pháp, nhưng mà trong ao bảy báu ở Cực Lạc, trong một bông hoa có vô lượng quang, trong vô lượng quang, lần lượt xuất hiện vô lượng Phật, vô lượng Phật diễn thuyết vô lượng diệu pháp cho mười phương chúng sanh, có thể thấy từ trong một sanh ra vô lượng. Dù nói là vô lượng, nhưng chỉ là một câu danh hiệu. Vãng Sanh Luận Chú nói: thế giới Tây Phương Cực Lạc có ba loại trang nghiêm: Phật trang nghiêm, Bồ Tát trang nghiêm, cõi nước trang nghiêm đều vào trong một câu pháp. Một câu pháp là câu thanh tịnh, câu thanh tịnh là trí huệ chân thật, pháp thân vô vi, cũng chính là câu danh hiệu này. Từ đó thấy được, nếu nói là một, nhưng mà trong một có vô thượng diệu pháp; nếu nói là nhiều, vô lượng trang nghiêm chỉ từ một tâm biến hiện. Vì vậy, đây là pháp kì lạ trong kì lạ, đặc biệt trong đặc biệt, chẳng thể nêu, chẳng thể nói, chẳng thể nghĩ bàn, cũng chẳng thể đặt tên, miễn cưỡng gọi là kỳ đặc. Đoạn này nói quá hay, không biết mọi người có nghe ra chỗ hay của nó không? Thật sự tuyệt diệu, vô cùng tuyệt diệu!

Ngẫu Ích đại sư nói: người vãng sanh Đồng Cư Độ ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, mặc dù vẫn là phàm phu, nhưng đã đạt bất thoái chuyển; nếu như nói họ đã chứng bất thoái chuyển, nhưng họ vẫn là phàm phu, đây là pháp mà mười phương cõi nước không có, cho nên gọi là “kỳ đặc”. Phía trước có nói tới Bát Niết Bàn, tứ quả tứ hướng, tiếp theo tôi sẽ giải thích sơ lược một chút: Bát Niết Bàn gọi tắt là Niết Bàn, cũng gọi là Nê Hoàn, Niết Bàn Da, Hán dịch là “viên tịch”. Viên là viên mãn hết thảy trí huệ, tịch là tịch diệt hết thảy hoặc nghiệp. Cũng dịch là “diệt độ”. “Diệt” là diệt trừ ba loại hoặc kiến tư, trần sa và vô minh; “độ” là độ thoát hai loại sanh tử phân đoạn và biến dịch. Có nghĩa là khi trí huệ và đức hạnh của một người đều đạt tới rất ráo viên mãn, ngăn chặn, vượt khỏi cả sanh tử và phiền não, gọi là Niết Bàn. Đây là pháp không sanh không diệt mà bậc Thánh chứng đắc được, vượt khỏi cảnh giới chân như của thời gian không gian, cũng là chốn trở về lý tưởng nhất, tốt đẹp nhất của muôn nghìn chúng sanh.

Tứ quả có hai cách giải thích. Cách giải thích thứ nhất là chỉ bốn quả vị của Thanh Văn Thừa. Một, quả Tu Đà Hoàn, Hán dịch là Nhập Lưu, có nghĩa là mới nhập vào hàng Thánh nhân; hai, quả Tư Đà Hàm, Hán dịch là Nhất Lai, nghĩa là tu đạt được quả vị này, sau khi qua đời thì sanh lên cõi trời, làm người trời một đời, sau đó lại sanh vào thế giới này của chúng ta một lần nữa, rồi không còn chịu sanh tử trong dục giới nữa; ba, quả A Na Hàm, Hán dịch là Bất Hoàn. Tu đạt được quả vị này, không còn sanh lên dục giới nữa; bốn, quả A La hán, Hán dịch là Vô Sanh. Tu đạt được quả vị này, thoát ly sanh tử, không còn chịu thân sau, là quả vị cao nhất trong Thanh Văn Thừa.

Cách giải thích thứ hai là chỉ A La Hán. Tứ hướng, hướng có nghĩa là tiến tới các quả vị khác, là cấp bậc tu đạo Thanh Văn trong Phật giáo Tiểu Thừa. Một, Tu Đà Hoàn hướng, Hán dịch là Dự Lưu hướng; hai, Tư Đà Hàm hướng, Hán dịch là Nhất Lai hướng; ba, A Na Hàm hướng, Hán dịch là Bất Thoái hướng; bốn, A La Hán hướng, Hán dịch là Vô Học hướng.

Có vị cổ đức nói “pháp kỳ đặc” là “tê phạm bí thuật”, phạm là phạm phu lục đạo, lục đạo gọi là nội phạm, tứ Thánh gọi là ngoại phạm. Ngoại phạm có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, các vị Bồ Tát này vẫn chưa minh tâm kiến tánh. Trong Đại Thừa giáo vẫn thuộc về ngoại phạm, tức là thập tín vị. Thập tín, thập trụ, thập

hạnh, thập hồi hướng của Biệt giáo đều là phàm. Thập địa được xưng là Thánh, đấng địa liền xưng là Thánh, siêu việt mười pháp giới. Nếu trong Hoa Nghiêm Viên Giáo thì sơ trụ đã siêu việt rồi, đây là do hai tông phái phán giáo khác nhau. Hoa Nghiêm cao, Sơ trụ Bồ Tát liền minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, là Phật thật chứ không phải giả. Mặc dù thành Phật, nhưng vẫn chưa chứng đắc rốt ráo viên mãn, cho nên gọi là Phần chứng tức Phật, lời này do Đại sư Trí Giả của tông Thiên Thai nói. Từ sơ trụ trở lên hết thấy đều kiến tánh, trong Biệt giáo phải tới quả vị sơ địa mới kiến tánh. Sơ địa của Biệt giáo tương đương với sơ trụ của Viên giáo, sự chứng đắc của các ngài đều bình đẳng. Chư Phật Như Lai ứng hóa trên thế gian, giúp đỡ phàm Thánh, những Thánh nhân chưa rời khỏi thập pháp giới này, là A La Hán, Bích Chi Phật của tiểu thừa, tam thừa Bồ Tát của Đại Thừa. Tam thừa là thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng. Có một bí thuật giúp các ngài, thuật là phương pháp. Phương pháp gì? Phương pháp thoát ly lục đạo, phương pháp thoát ly thập pháp giới. Phương pháp này không nằm trong tám ngàn bốn vạn pháp môn, không nằm trong vô lượng pháp môn, nên gọi là “bí”. Chữ bí này có nghĩa là bí mật, thực ra cũng không thể nói là bí mật. Có thể dùng hai chữ “thâm mật” để giải thích. Thâm mật, trong mười pháp giới không ai biết; mặc dù biết nhưng họ không tin, cũng giống như không biết. Thật sự thấy được pháp môn này, nghe được pháp môn này, có thể tin tưởng không nghi ngờ thì đối với họ cũng là thâm mật, bởi vì họ tin tưởng.

Nhưng hầu hết mọi người đều không tin pháp môn này, không chỉ một mình Thích Ca Mâu Ni Phật nói như vậy, mà chư Phật Như Lai mười phương cũng nói như vậy, đều khẳng định pháp môn này là pháp khó tin. Cho nên tu học pháp môn này, có người nửa đường thoái tâm, đổi sang pháp môn khác, thậm chí hủy báng pháp môn Tịnh Độ, chuyện này cũng không có gì hiếm lạ. Không những không hiếm lạ mà còn là chuyện bình thường. Nguyên nhân gì vậy? Họ không có thiện căn lớn, không có phước báo lớn. Kinh Di Đà nói về pháp môn này rất hay, “Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh vào cõi ấy”. Mặc dù ta có nhân duyên, có cơ hội gặp được, nhưng thiện căn phước đức của chúng ta không đủ, cho nên nhìn thấy pháp môn khác sẽ động tâm, không thể kiên trì học đến cùng. Nếu có thể không bị dao động bởi cảnh giới bên ngoài, kiên trì học đến cùng thì tám ngàn bốn vạn pháp môn cũng không thể làm họ dao động, vô lượng pháp môn cũng

không làm họ dao động. Không phải họ không tiếp xúc, mà tiếp xúc rồi vẫn như như bất động, giống như Thiện Tài Đồng Tử vậy.

Trong Kinh Hoa Nghiêm, 53 lần tham bái của Thiện Tài Đồng Tử, Thiện Tài Đồng Tử tu pháp môn gì? Tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ. Trong pháp hội của Văn Thù Bồ Tát, ngài đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây gọi là căn bản trí. 53 lần tham bái là để thành tựu hậu đắc trí của ngài. Hậu đắc trí tức là không gì không biết, căn bản trí là vô tri, bát nhã vô tri, lúc khởi tác dụng thì không gì không biết. Sau khi chứng đắc căn bản trí, 53 lần tham bái thành tựu trí huệ viên mãn, như vậy mới có thể độ chúng sanh, mới có thể trụ pháp kỳ đặc. Đức Phật muốn nói pháp môn kỳ đặc này, đương nhiên phải trụ trong cảnh giới kỳ đặc trước, cảnh giới kỳ đặc là gì? Đó là:

“Trụ chư Phật sở trụ đạo sư chi hạnh. Tối thắng chi đạo”.

“Chư Phật sở trụ” là Di Đà Tịnh Độ, “đạo sư chi hạnh” là tín nguyện trì danh, hai câu này đều là “tối thắng chi đạo”. Ai biết được vậy? Chúng ta đọc đoạn này trong kinh Vô Lượng Thọ, rất nhiều người đều đọc lướt qua, chưa đọc được ý vị trong đó, không biết rằng mấy câu này đã hết lời ca ngợi Tịnh Tông. Chú ý! Hết lời ca ngợi! Một người có thiện căn phước đức sâu dày, đọc được đoạn kinh này, từ “Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định” đến “tối thắng chi đạo”, chỉ đọc mấy câu này, họ sẽ một lòng một dạ nghiêm túc học tập pháp môn này, sẽ không thay đổi, không chuyển hướng nữa.

“Chư Phật sở trụ” là thế giới Tây Phương Cực Lạc y chánh trang nghiêm. “Đạo sư chi hạnh” là dẫn dắt hết thảy chúng sanh cùng thành Phật đạo. Bởi vì dùng pháp bình đẳng, độ chúng sanh trong chín pháp giới bình đẳng thành Phật, đó mới là đại đạo sư, đạo sư không thể nghĩ bàn. “Tối thắng chi đạo” là thực hành hạnh của đức Di Đà, niệm về niệm của đức Di Đà. Niệm của đức Di Đà là bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng bình đẳng phổ độ hết thảy chúng sanh. Đây là đạo thù thắng bậc nhất, cho nên gọi là “tối thắng chi đạo”. Tịnh Ảnh Sớ nói: “Chư Phật sở trụ” là quả Thường, Lạc, Ngã, Tịnh của Niết Bàn, là nơi chư Phật cùng trụ. Phật Phật đạo đồng, cho nên Thế Tôn cũng cùng trụ nơi quả giác Niết Bàn của [chư Phật] sở trụ, do Đại Niết Bàn sanh ra sự giáo hóa diệu dụng thù thắng. Thế nên hôm nay Phật trụ nơi hạnh của đạo sư, đạo tối thắng.

Sách Chân Giải nói đại tịch định là tên gọi khác của niệm Phật tam muội, “ba đời chư Phật đều trụ vào niệm Phật này, nên gọi là Phật sở trụ”, chư Phật ba đời đều ở trụ vào niệm Phật trong niệm Phật tam muội, đây là chư Phật sở trụ. Hôm nay Thế Tôn cũng trụ vào niệm Phật tam muội, nơi mà chư Phật trụ vào. Niệm Phật tam muội gọi là bảo vương tam muội, là vua trong tam muội nên gọi là bảo vương. Từ niệm Phật tam muội có thể lưu xuất hết thấy tam muội.

“Đại đạo sư”: “gọi là đạo sư nghĩa là chỉ bày con đường chân chánh cho chúng sanh”. Gọi là đạo sư, người có thể chỉ ra con đường đúng đắn cho chúng sanh gọi là đạo sư, người có thể dạy người thoát khỏi sanh tử gọi là đạo sư. Kinh Phật Bảo Ân nói “dẫn dắt [chúng sanh] đi theo con đường chân chính, chỉ bày lối Niết Bàn, giúp cho họ đạt được vô vi, thường được an lạc”, gọi là đại đạo sư. Gốc bệnh của chúng sanh là hữu vi, mặc dù học Phật nhưng bởi chấp trước tình kiến rất sâu, cũng coi Phật pháp thành pháp hữu vi. Kinh Kim Cang nói: “Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”, đã là bọt bóng thì đó đều hư vọng. Vì vậy, người làm đại đạo sư, chủ yếu là phải dẫn dắt tín chúng buông bỏ hữu vi, thông hiểu vô vi mới có thể hướng thẳng tới Niết Bàn, chứng đắc Thường Lạc Ngã Tĩnh.

Tiếp theo tôi sẽ nói bốn điều điên đảo của phàm phu cho quý vị nghe:

Điên đảo thứ nhất: xem vô ngã là hữu ngã, xem vô thường là thường, xem cấu là tịnh, xem khổ là lạc. Kinh Kim Cang nói vô ngã, nhưng chúng sanh luôn luôn chấp trước ngã, trong một đời chẳng có ý niệm nào không phải vì cái ngã hư dối này.

Điên đảo thứ hai: đời người vô thường, chỉ là bọt xà phòng, nhưng chúng sanh chỉ nhìn thấy màu sắc sắc sỡ của bọt bóng mà quên rằng chúng sẽ vỡ ngay lập tức.

Điên đảo thứ ba: bất kỳ dung mạo nhan sắc tươi đẹp nào của nam nữ trên thế gian, đặc biệt là trong mắt người yêu, đó là thiên sứ, là tiên hoa, thậm chí là thần thánh, nhưng trên thực tế, chỉ là một nhà vệ sinh biết đi mà thôi.

Điên đảo thứ tư: thế gian này là tám nổi khổ đan xen, nhưng chúng sanh lại vui không biết mệt. Người đời hút chích rượu chè, cờ bạc hoang dâm, đang vui mừng phấn khởi, ai biết sẽ rơi sâu vào biển khổ. Những điều mà người thế gian mong cầu thật sự đều là chuyện khổ, chính mình không biết, ngược lại cảm thấy rất vui, trên thực tế đều là khổ, không có vui. Sự hưởng lạc trước mắt là hoại khổ, cảnh vui bị

phá hủy thì chính mình rất khổ. Chúng A La Hán sẽ giải quyết được bốn điều điên đảo này, nhưng lại có bốn điều điên đảo của A La Hán. A La Hán không biết thương lạc ngã tịnh của Bồ Tát, Bồ Tát là chân thường, pháp lạc, chân ngã, bốn tịnh. Sách Chân Giải nói: “Hạnh của đạo sư” “tức là Di Đà Thế Tôn bình đẳng tiếp dẫn, không để sót ai”, Di Đà Thế Tôn bình đẳng phổ độ, không có phân biệt. Bất luận là người thông minh, người khờ dại, người tốt, người xấu, oan gia hay người thân đều bình đẳng đại bi phổ độ, không bỏ một chúng sanh nào. Chúng ta học Phật nhiều năm như vậy, để tôi đưa ra một câu hỏi khảo nghiệm bạn, người niệm Phật vãng sanh tới thế giới Tây Phương Cực Lạc thì thành Phật, thành Phật gì? Bạn là vị Phật nào? Nói cho bạn biết, là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là vị Phật bậc nhất trong biển quả chánh giác, là căn bản Phật, là tự tánh Phật, hết thấy chúng sanh đều có, chỉ là mê nên không giác.

Hôm nay Thế Tôn sẽ tuyên thuyết pháp môn thù thắng không gì sánh bằng, giúp chúng sanh một đời bình đẳng thành Phật cho chúng ta, giúp chúng ta đều giác ngộ, biết được trong chân tâm của bản thân chúng ta có bảo bối, không cần tìm cầu bên ngoài, bên ngoài không có, bên ngoài đều là ảo tướng, “Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”. Một câu Phật hiệu A Di Đà Phật đều bao hàm giới định huệ trong đó, vi diệu không tả hết, hiếm có đặc biệt đến tột cùng. Bạn có thể vào cảnh giới này, bạn mới thường thức được pháp vị của Tịnh Độ, pháp vị của thế giới Cực Lạc, tâm hoan hỉ tự nhiên sẽ sanh khởi.

Duyên khởi Đại giáo thật thù thắng

Công đức A Nan thỉnh pháp lớn

Thế Tôn tuyên giảng pháp kỳ đặc

Phổ độ chúng sanh trong pháp giới

Hữu duyên gặp được pháp kỳ đặc

Bạn nhất định phải trân trọng đó

Có mắt không nhìn ra châu báu

Hội hạn cũng đã quá muộn màng!

Tiết học hôm nay giao lưu tới đây thôi. Cảm ơn mọi người! A Di Đà Phật!